

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/LĐ-ST.

Ngày: 26-08-2025.

Về việc: “*Tranh chấp hợp
đồng
lao động và Bảo hiểm xã
hội*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Ngô Thị Yên.
2, Ông Nguyễn Hữu Đệ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2025/TLST-LĐ ngày 18 tháng 07 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng lao động và Bảo hiểm xã hội*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu tập thể H, khu dân cư T, xã V, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn D; Địa chỉ trụ sở chính: Lô E, Khu công nghiệp T, xã T, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Koshi N1 - Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Bùi Mai H - Giám sát Phòng Pháp chế Công ty (*Theo Giấy uỷ quyền ngày 08/08/2025*).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số I, đường H, Đ, thôn H, xã V, thành phố Hà Nội.

3.2. Bảo hiểm xã hội thành phố H; Địa chỉ trụ sở chính: Số A, phố C, phường H, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Ngọc H1 - Giám đốc.

- *Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông Vũ Đức T1 - Phó Giám đốc (*Theo Giấy uỷ quyền số 385 ngày 07/08/2025*).

- *Có mặt*: Bà N.

- *Vắng mặt*: Bà H2, bà T và ông T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện vụ án lao động ghi ngày 02 tháng 07 năm 2025 và quá trình giải quyết tại Toà án, nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Đầu năm 2005, do nhu cầu về việc làm, bà đã mượn hồ sơ, giấy tờ pháp lý của bà Nguyễn Thị T là em gái ruột bà để đủ điều kiện ứng tuyển vị trí công nhân sản xuất trong Công ty trách nhiệm hữu hạn D (từ nay gọi tắt là Công ty D), địa chỉ: Lô E, Khu công nghiệp T, Đ. Ngày 21 tháng 6 năm 2005, bà được Công ty D tuyển dụng vào làm công nhân tại Phòng sản xuất với hồ sơ lý lịch và hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị T. Trong suốt quá trình làm việc tại Công ty D từ năm 2005 đến ngày 26/11/2024 là 19 năm 06 tháng, bà đều hoàn thành tốt công việc được giao, đúng với thoả thuận trong các hợp đồng lao động, không có bất cứ sai phạm gì. Bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội mã số 0106012266, cấp lần 2 ngày 17/06/2018 mang tên Nguyễn Thị T.

Đối với bà Nguyễn Thị T cũng bằng hồ sơ của mình, xin vào làm việc tại nhiều Công ty trong khu công nghiệp T từ năm 2002 đến hết tháng 01/2020. Ngày 20/01/2020, bà T được Ủy ban nhân dân huyện Đ tuyển dụng làm viên chức giáo viên tiểu học tại Trường Tiểu học V kể từ ngày 01/02/2020. Quá trình lao động, làm việc tại các Công ty và trường Tiểu học Vồng La, bà T có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp Sổ Bảo hiểm xã hội mã số 0103035710.

Cuối năm 2024, khi bà biết được quy định về hồ sơ của người lao động đều được số hóa trên hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu của doanh nghiệp, cơ quan nơi làm việc. Để tránh không bị ảnh hưởng đến quyền lợi của hai chị em, bà đã chủ động viết đơn xin thôi việc và được Tổng Giám đốc Công ty D chấp nhận tại Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số: 014/24/QĐ-HR-DMVN (17) ngày 26/11/2024. Công ty cũng đã giải quyết cho bà mọi chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật lao động và bàn giao các giấy tờ hồ sơ pháp lý liên quan. Tuy nhiên, do hồ sơ lao động, Sổ Bảo hiểm xã hội mang tên bà Nguyễn Thị Thành đồng T2 tồn tại ở cả hai nơi là Công ty D và trường Tiểu học V nên cơ quan Bảo hiểm xã hội không giải quyết chế độ cho bà theo quy định của pháp luật.

Nay bà đề nghị Toà án giải quyết:

- Tuyên bố các Hợp đồng lao động đã ký giữa bà và Công ty trách nhiệm hữu hạn D vào các ngày: 21/06/2005, 22/07/2005, 03/07/2006 và 10/07/2007 vô hiệu một phần về lý lịch người lao động mang tên Nguyễn Thị T.

- Xác nhận bà là người đã ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty D từ ngày 21/06/2005 đến ngày 26/11/2024, để cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền giải quyết cho bà được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản trình ý kiến ghi ngày 05/08/2025 của bị đơn là Công ty D do người đại diện theo pháp luật là ông Masahiro H3 - Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty gửi Tòa án với nội dung:

- Về sự tồn tại của quan hệ lao động giữa Công ty và hai cá nhân có thông tin được nêu trong Thông báo thụ lý của Tòa án là: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số I, đường H, Đ, thôn H, xã V, thành phố Hà Nội và bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu tập thể H, khu dân cư T, xã V, thành phố Hà Nội, Công ty xác nhận đã từng có một người lao động làm việc cho Công ty với thông tin cá nhân như sau: Họ và tên: Nguyễn Thị T; Giới tính: Nữ; Ngày sinh: 26/10/1982; Địa chỉ thường trú: Xóm A, thôn H, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Nay là thôn H, xã V, thành phố Hà Nội); Chứng minh nhân dân số: 012260242; Căn cước công dân số: 001182004496. Các thông tin cá nhân nêu trên do người lao động cung cấp trong hồ sơ ứng tuyển và thông qua các giấy tờ cá nhân nộp cho Công ty.

Người lao động có tên “Nguyễn Thị T” nêu trên đã làm việc tại Công ty theo Hợp đồng lao động số DMVN 0941-06/05 ký ngày 21/06/2005 (bao gồm 01 tháng thử việc và thời hạn 01 năm làm việc chính thức), Hợp đồng lao động số DMVN 0941-07/06 ký ngày 21/07/2006 (thời hạn 01 năm), Hợp đồng lao động số DMVN 0941-07/07 ký ngày 21/07/2007 (không xác định thời hạn). Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng lao động này, Công ty và người lao động có tên “Nguyễn Thị T” có các thông tin cá nhân nêu trên đã tham gia và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật với số Sổ bảo hiểm xã hội là: 0106012266. Sau đó, quan hệ lao động giữa hai bên đã chấm dứt vào ngày 27/11/2024, theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số: 014/24/QĐ-HR-DMVN (17) ban hành ngày 26/11/2024 do người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (về quê kinh doanh). Quy trình và thủ tục liên quan đến chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình “Bà Nguyễn Thị T” làm việc tại Công ty và khi quan hệ lao động chấm dứt, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với “Bà Nguyễn Thị T”, giữa hai bên không phát sinh bất kỳ tranh chấp nào.

Đối với “Bà Nguyễn Thị Phương N”, Công ty xác nhận rằng hồ sơ quản lý lao động của Công ty không ghi nhận bất cứ người lao động nào có họ tên “Nguyễn Thị Phương N” và các thông tin cá nhân như của nguyên đơn từng làm việc tại Công ty.

- Về thoả thuận cho mượn hồ sơ giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị T:

Công ty H4 rằng, có thể nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương N đã mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị T để ứng tuyển và ký kết, thực hiện hợp đồng lao động với Công ty. Công ty không được thông báo, không tham gia và hoàn toàn không biết đến việc này. Việc bà Nguyễn Thị Phương N sử dụng thông tin, giấy tờ cá nhân của bà Nguyễn Thị T để được tuyển dụng và làm việc tại Công ty dưới tên bà Nguyễn Thị T, nếu có, thì cũng là hành vi từ phía cá nhân bà Nguyễn Thị Phương N, hoàn toàn không có sự đồng thuận của Công ty.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty không có bất kỳ ý kiến nào, kính đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Tại bản tự khai ngày 18/07/2025, bà Nguyễn Thị T trình bày: Đầu năm 2005, Công ty D đang tuyển dụng lao động nhưng chị gái bà là bà Nguyễn Thị Phương N không đủ điều kiện nên bà đã cho bà N đã mượn hồ sơ, lý lịch của bà để ứng tuyển và được vào làm việc tại Công ty từ tháng 06/2005. Bản thân bà từ trước đó đã và đang làm việc tại các Công ty trong khu công nghiệp T. Cụ thể:

- Từ tháng 05/2002 đến tháng 08/2003: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V1;

- Từ tháng 09/2003 đến tháng 04/2004: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S;

- Từ tháng 07/2004 đến tháng 12/2005: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn P;

- Từ tháng 12/2010 đến tháng 05/2012: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A;

- Từ tháng 01/2014 đến tháng 01/2020: Làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn F;

- Từ tháng 02/2020 đến nay: Làm giáo viên tại Trường Tiểu học V.

Trong suốt quá trình tham gia lao động, làm việc tại các Công ty và trường Tiểu học Võng La, bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp Sổ Bảo hiểm xã hội mã số 0103035710. Sau khi bà N chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty D1 và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội thì không được giải quyết do bị trùng tên với hồ sơ bảo hiểm của bà. Bà nhất trí với yêu cầu, quan điểm của bà N về việc, đề nghị Toà án giải quyết chuyển đổi từ tên bà là Nguyễn Thị T sang tên bà Nguyễn Thị Phương N có lý lịch và địa chỉ như nêu trên trong hồ sơ, hợp đồng lao động và Sổ bảo hiểm xã hội, để bà N có căn cứ giải quyết chế độ tại cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2/ Tại Văn bản số 195/BHXXH-TTKT ngày 30/07/2025, về việc “Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật” của ông Nguyễn Ngọc H1 - Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố H gửi Toà án có nội dung: Ngày 23/07/2025, Bảo hiểm xã hội thành phố H (trước đây là Bảo hiểm xã hội khu vực I) nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án lao động sơ thẩm số 01/2025/TLST-LĐ ngày 18/07/2005 của Toà án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội, về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” giữa: Nguyên

đơn là bà Nguyễn Thị Phương N và bị đơn là Công ty D. Bảo hiểm xã hội khu vực I (nay là Bảo hiểm xã hội thành phố H) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Toà án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương N vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên và khai bổ sung: Lý do chính để bà phải mượn hồ sơ của bà T xin vào làm việc tại Công ty D vì, tại thời điểm 2005 bà đã 27 tuổi, vượt quá độ tuổi quy định về tuyển lao động của Công ty là từ 18 đến 25 tuổi. Hồ sơ xin việc chỉ cần nộp đơn xin việc và phỏng vấn đạt yêu cầu thì được tuyển dụng. Chỉ sau khi chính thức được nhận vào làm việc thì bà mới phải nộp cho Công ty A1 bản Sơ yếu lý lịch mang tên bà T có dán ảnh của bà nên không bị phát hiện có hành vi khai gian dối. Mục đích cũng chỉ là để bà có công việc làm, thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cá nhân và gia đình mà không nhận thức được hậu quả về sau, ngoài ra không có mục đích gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc quy định về pháp luật tố tụng dân sự trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án.

- Đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Công ty D, Bảo hiểm xã hội thành phố H và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên họp, hoà giải và phiên tòa lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Về đường lối giải quyết vụ án:

- + Xác định yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương N thuộc trường hợp giải quyết việc dân sự do các bên trong hợp đồng lao động không tranh chấp.

- + Xét hợp đồng lao động: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự có căn cứ khẳng định: Bà Nguyễn Thị Phương N đã mượn hồ sơ của em gái là bà Nguyễn Thị T, được Công ty D kí hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2005 đến tháng 11/2024. Người trực tiếp ký hợp đồng và làm việc tại Công ty D là bà N chứ không phải bà T. Hợp đồng lao động giữa Công ty D và bà Nguyễn Thị Phương N đã vi phạm nguyên tắc “Trung thực”, được quy định tại Điều 15 Bộ luật Lao động về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động và Điều 16 Bộ luật lao động về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, việc không trung thực khi kí kết hợp đồng lao động là do bà Nguyễn Thị Phương N thiếu hiểu biết về pháp luật. Thực tế, bà N có đi làm tại Công ty D, có được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Vì vậy, hợp đồng lao động được kí kết giữa bà N và Công ty D không thuộc trường hợp vô hiệu toàn bộ. Bà N được Công ty D nhận vào làm việc và có đóng bảo hiểm, chỉ có thông tin cá nhân của người lao động được ghi trong hợp đồng là không đúng, còn

các thông tin khác đều phù hợp với quy định của pháp luật và đã được hai bên thực hiện đầy đủ. Do đó, bà Nguyễn Thị Phương N yêu cầu Tòa án tuyên bố các hợp đồng bà ký kết với Công ty D vô hiệu về phần lý lịch mang tên Nguyễn Thị T là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều: 33, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 401, 402 của Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật Lao động và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương N. Tuyên bố các hợp đồng lao động giữa Công ty D và bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị Phương N ký) vô hiệu một phần đối với phần thông tin người lao động.

- Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bà N và Công ty D có trách nhiệm phối hợp, liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố H điều chỉnh hồ sơ bảo hiểm xã hội, cấp lại hoặc cấp mới tương ứng với thời gian bà N mượn hồ sơ của bà T để làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội.

- Bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định của pháp luật.

TOÀ ÁN NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Phương N khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng lao động đối với Công ty D, có trụ sở chính tại: Lô E, Khu công nghiệp T, xã T, thành phố Hà Nội do vô hiệu một phần về họ tên, lý lịch của người lao động để giải quyết về chế độ bảo hiểm xã hội của bà tại cơ quan Bảo hiểm xã hội. Căn cứ vào quy định tại khoản 5 Điều 32; Điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân vực 7 - Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án lao động là đúng thẩm quyền.

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định

“Điều 4. Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân do Bộ luật này quy định có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác.”

Bộ luật Lao động 2019 quy định:

- Điều 219. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến lao động

“1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 84/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14: Điều 32. Những tranh chấp về lao động và tranh chấp liên quan đến lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

1. Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động mà hòa giải thành nhưng các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, hòa giải không thành hoặc hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật về lao động mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải:

...
d) Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;”

Đối chiếu với các quy định trên đây, mặc dù tranh chấp giữa các bên về hợp đồng lao động vô hiệu chưa được giải quyết theo thủ tục hoà giải ở cơ sở nhưng do các bên đã chấm dứt hợp đồng lao động và giải quyết với nhau xong các chế độ liên quan từ ngày 27/11/2024, ngoài ra, đương sự trong vụ án còn có tranh chấp về bảo hiểm xã hội nên việc hoà giải là không cần thiết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trong vụ án là Công ty D do bà Bùi Mai H đại diện theo uỷ quyền; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và Bảo hiểm xã hội thành phố H do ông Vũ Đức T1 đại diện theo uỷ quyền không tham gia phiên họp, hoà giải, vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ và khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về nội dung tranh chấp giữa các bên trong vụ án:

- Theo chứng cứ do nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Phương N giao nộp, gồm: Bản chính Sơ yếu lý lịch (Tự thuật) của bà Nguyễn Thị Phương N có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H và bản sao Căn cước công dân số 001178032155, do Cục Cảnh sát quản lý về TTXH cấp ngày 01/03/2023, thể hiện: Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26/10/1978; Nơi thường trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Có bố đẻ là Nguyễn Đình N2, sinh năm 1952 và mẹ đẻ là Lê Thị G, sinh năm 1958.

- Theo chứng cứ do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị T giao nộp, gồm: Bản chính Sơ yếu lý lịch (Tự thuật) của bà Nguyễn Thị T có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H và bản sao Căn cước công dân số 001182004496, do Cục cảnh sát quản lý về TTXH cấp ngày 25/04/2021, thể hiện: bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/1982; Nơi cư trú: Xóm A, thôn H, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Có bố đẻ là Nguyễn Đình N2, sinh năm 1952 và mẹ đẻ là Lê Thị G, sinh năm 1958.

Tại Toà án:

* Bà Nguyễn Thị Phương N giao nộp các bản sao: Hợp đồng lao động số DMVN 0941-06/05 ký ngày 21/06/2005; Hợp đồng lao động số DMVN 0941-07/06 ký ngày 21/07/2006; Hợp đồng lao động số DMVN 0941-07/07 ký ngày 21/07/2007; Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số: 014/24/QĐ-HR-DMVN (17) ngày 26/11/2024 của Công ty D; Sổ Bảo hiểm xã hội, Mã số: 0106012266, Cấp lần 2 ngày 17/06/2018 mang tên Nguyễn Thị T; Sinh ngày 26/10/1982; Số CMND: 001196003887.

* Công ty D giao nộp các bản sao: Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty D, Mã số doanh nghiệp: 0100100537; Đăng ký lần đầu: Ngày 17/05/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 06/07/2021; Hợp đồng lao động số DMVN 0941-06/05 ký ngày 21/06/2005 (bao gồm 01 tháng thử việc và thời hạn 01 năm làm việc chính thức), Hợp đồng lao động số DMVN 0941-07/06 ký ngày 21/07/2006 (thời hạn 01 năm), Hợp đồng lao động số DMVN 0941-07/07 ký ngày 21/07/2007 (không xác định thời hạn) ký giữa Công ty D và bà Nguyễn Thị T.

* Bà Nguyễn Thị T giao nộp các bản sao: Phiếu đối chiếu quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T theo Sổ Bảo hiểm xã hội số: 0103035710 do Bảo hiểm xã hội huyện Đ cung cấp ngày 15/07/2025; Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 về việc tuyển dụng công chức Nguyễn Thị T của UBND huyện Đ; Bản chính Giấy cam đoan của bà Nguyễn Thị T ghi ngày 24/06/2025 và Đơn xin xác nhận ghi ngày 14/07/2025 có xác nhận của Hiệu trưởng trường Tiểu học V2.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T đều khai và xác định: Bà Nguyễn Thị Phương N có lý lịch và địa chỉ nêu trên mới đúng là người ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty D từ tháng 06/2005 đến ngày 27/11/2024 mà không phải là bà Nguyễn Thị T. Bản thân bà Nguyễn Thị T cũng bằng chính hồ sơ, giấy tờ pháp lý của mình để xin vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 từ tháng 05/2002. Sau đó, bà chuyển qua làm việc tại nhiều công ty trong Khu công nghiệp T cho đến hết tháng 01/2020. Bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ quyết định tuyển dụng vào làm giáo viên tiểu học tại Trường tiểu học V từ ngày 01/02/2020 cho đến nay. Chỉ khi bà N không được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội do bị phát hiện tồn tại 02 hồ sơ bảo hiểm xã hội cùng mang họ tên, tuổi, địa chỉ của một người là bà Nguyễn Thị T mới dẫn đến tranh chấp giữa các bên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Sự việc bà Nguyễn Thị Phương N mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị T để liên hệ xin việc và được Công ty D tuyển dụng vào làm việc tại Phân xưởng sản xuất từ tháng 06/2005 cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động ngày 27/11/2024, với lý lịch của bà Nguyễn Thị T là có thật, được chứng minh tại Sơ yếu lý lịch (Tự thuật) của bà Nguyễn Thị Phương N và bà Nguyễn Thị T thể hiện hai bà là chị em ruột có chung bố mẹ đẻ là Nguyễn Đình N2 và Lê Thị G. Bà T có làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại các Công ty trong khu công nghiệp T từ tháng 05/2002 đến hết tháng 01/2020 và tại Trường Tiểu học V từ ngày 01/02/2020 cho đến nay.

[2.2]. Xét về hợp đồng lao động giữa Công ty D và bà Nguyễn Thị Phương N :

+ Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng có được thành lập thành văn bản, các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận phù hợp với quy định của Điều 14 của Bộ luật Lao động.

+ Về nội dung của hợp đồng: Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng, Công ty D có tư cách pháp nhân, bà Nguyễn Thị Phương N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Các bên ký hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng bức, gò ép; Nội dung của hợp đồng lao động không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng lao động phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên, người lao động là bà Nguyễn Thị Phương N đã có hành vi gian dối trong việc khai lý lịch và giao nộp các giấy tờ liên quan đến hồ sơ tuyển dụng là của người khác, cụ thể là của bà Nguyễn Thị T khi giao kết hợp đồng lao động.

Bộ luật Lao động 2019 quy định:

“Điều 13. Hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Trường hợp hai bên thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động.

2. Trước khi nhận người lao động vào làm việc thì người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động.

Điều 14. Hình thức hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

1. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.

Điều 16. Nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động

...

2. Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”.

Điều 21. Nội dung hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ của người sử dụng lao động và họ tên, chức danh của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động;

b) Họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người lao động;

- c) Công việc và địa điểm làm việc;
- d) Thời hạn của hợp đồng lao động;
- đ) Mức lương theo công việc hoặc chức danh, hình thức trả lương, thời hạn trả lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác;

....

Điều 49. Hợp đồng lao động vô hiệu

...

2. Hợp đồng lao động vô hiệu từng phần khi nội dung của phần đó vi phạm pháp luật nhưng không ảnh hưởng đến các phần còn lại của hợp đồng.

Điều 50. Thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Điều 51. Xử lý hợp đồng lao động vô hiệu

1. Khi hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu từng phần thì xử lý như sau:

a) Quyền, nghĩa vụ và lợi ích của hai bên được giải quyết theo thỏa ước lao động tập thể đang áp dụng; trường hợp không có thỏa ước lao động tập thể thì thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Hai bên tiến hành sửa đổi, bổ sung phần của hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu để phù hợp với thỏa ước lao động tập thể hoặc pháp luật về lao động”.

Đối chiếu với các quy định nêu trên thì thấy, việc bà Nguyễn Thị Phương N sử dụng hồ sơ của bà Nguyễn Thị T để ký các Hợp đồng lao động với đại diện của Công ty D đã vi phạm nguyên tắc trung thực trong giao kết hợp đồng lao động, trái với quy định của pháp luật. Người sử dụng lao động là Công ty D cũng có một phần trách nhiệm trong việc kiểm tra thông tin của người lao động trước khi ký kết hợp đồng lao động, cũng như quá trình bà Nguyễn Thị Phương N làm việc tại Công ty. Hậu quả là các hợp đồng lao động đã ký giữa hai bên bị vô hiệu một phần về họ, tên, tuổi và lý lịch của người lao động. Trường hợp giữa hai bên vẫn đang duy trì quan hệ lao động, thì cần phải tuyên huỷ hợp đồng và giải quyết hậu quả pháp lý đối với hợp đồng lao động vô hiệu. Tuy nhiên, giữa bà Nguyễn Thị Phương N và Công ty D cũng đã chấm dứt hợp đồng lao động với nhau từ ngày 27/11/2024, bà N đã được Công ty giải quyết các chế độ liên quan và bàn giao cho Sổ Bảo hiểm xã hội từ đó đến nay. Do đó, không cần thiết phải tuyên huỷ các hợp đồng lao động đã ký giữa hai bên mà chỉ cần chỉnh sửa phần họ và tên, năm sinh, địa chỉ nơi cư trú của người lao động ghi trong các Hợp đồng lao động và Sổ bảo hiểm xã hội từ bà Nguyễn Thị T thành bà Nguyễn Thị Phương N, để làm cơ sở cho cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền giải quyết các chính sách về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Đồng thời, dành cho bà Nguyễn Thị Phương N có quyền tự liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để giải quyết các chế độ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về án phí: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBVTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị đơn là Công ty D phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, tại

phiên toà, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương N xin nộp án phí thay cho Công ty D. Xét quan điểm đó của bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[2.4]. Quan điểm về giải quyết đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương N của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 13, Điều 14, khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 21, khoản 2 Điều 49, Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động 2019;
- Điều 127 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 5 Điều 32; Điều 220; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXXH ngày 31/05/2022 của Bộ L về xử lý trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động đi làm và tham gia bảo hiểm xã hội.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.
- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

2. Tuyên bố các Hợp đồng lao động đã ký giữa đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn D và bà Nguyễn Thị Phương N vô hiệu về phần khai họ và tên, năm sinh và địa chỉ nơi cư trú của người lao động.

3. Xác định người lao động trong các Hợp đồng lao động đã ký với Công ty trách nhiệm hữu hạn D và người lao động được chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định số 014/QĐ-HR-DMVN ngày 26/11/2024 của Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn D là: Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26/10/1978; Số căn cước công dân: 001178032155; Nơi thường trú: Xóm A, thôn H, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Nay là khu tập thể H, khu dân cư T, thôn H, xã V, thành phố Hà Nội).

4. Chỉnh sửa mục: Họ và tên; Ngày, tháng, năm sinh và số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân ghi trong Sổ Bảo hiểm xã hội, Mã số 0106012266 cấp lần 2 ngày 17/06/2018 từ bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/10/1982; Số CMND: 012260242; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm A, thôn H, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội thành: Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 26/10/1978; Số căn cước công dân: 001178032155; Nơi thường trú: Khu tập thể H, khu dân cư T, thôn H, xã H, huyện

Đ, thành phố Hà Nội (Nay là: Khu tập thể H, khu dân cư T, thôn H, xã V, thành phố Hà Nội).

5. Bà Nguyễn Thị Phương N có quyền tự liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để giải quyết các chế độ liên quan tại Sở Bảo hiểm xã hội, Mã số: 0106012266 cấp lần 2 ngày 17/06/2018 theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phương N chịu cả tiền án phí lao động sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Xác nhận bà Nguyễn Thị Phương N đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000943 ngày 17/07/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, nay được chuyển thành tiền án phí và nộp vào ngân sách Nhà nước

7. Về quyền kháng cáo:

7.1. Bà Nguyễn Thị Phương N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7.2. Công ty D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

7.3. Bà Nguyễn Thị T và Bảo hiểm xã hội thành phố H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ về phần có liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 7-Hà Nội;
- TAND. TP Hà Nội;
- THADS. TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

